

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN
Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 03/7/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kế và bà Đào Thị Thanh Tuyền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2023/HSST ngày 09/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HS ngày 14/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/HSST-QĐ ngày 27/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Xuân T, sinh năm 1995, tại Hưng Yên;

Hộ khẩu thường trú/Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1 và con bà Lê Thị T2; vợ: *Tại phiên tòa, bị cáo khai tháng 02/2023 đã kết hôn và có vợ là Nguyễn Nguyệt H, sinh năm 2000; con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.*

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Đoàn Duy C, sinh năm 2004 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh Trần Văn D, sinh năm 2004 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Phạm Khương D1, sinh năm 2004 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

5. Anh Chu Ngọc D2, sinh ngày 22/5/2006 (*Vắng mặt*);

*Người đại diện theo pháp luật của anh D2: Ông Chu Văn T3, SN 1982;
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.*

6. Anh Vũ Minh C1, sinh ngày 04/10/2006 (*Vắng mặt*);

*Người đại diện theo pháp luật của anh C1: Ông Vũ Đình M, SN 1979;
Cùng địa chỉ: Thôn C, xã D huyện T, tỉnh Hưng Yên.*

7. Anh An Văn Q, sinh ngày 03/7/2006 (*Vắng mặt*);

*Người đại diện theo pháp luật của anh Q: Ông An Văn V, SN 1982;
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.*

8. Anh Phạm Văn H2, sinh ngày 10/11/2005 (*Có mặt*);

Người đại diện theo pháp luật của anh H2: Ông Phạm Văn T4, SN 1983 (Vắng mặt); Tại phiên tòa có ông Phạm Văn T5 - Là anh trai ông T4 nhận thay mặt ông T4 làm người đại diện cho anh H2.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, TP H, tỉnh Hưng Yên.

9. Anh Trần Huy T6, sinh ngày 11/10/2005 (*Vắng mặt*);

*Người đại diện theo pháp luật của anh T6: Bà Dương Thị L, SN 1976;
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, TP H, tỉnh Hưng Yên.*

10. Anh Trần Huy Đ, sinh năm 2003 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, TP H, tỉnh Hưng Yên.

11. Anh Trần Huy K, sinh năm 2004 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, TP H, tỉnh Hưng Yên.

12. Ngân hàng TMCP Đ2 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số C H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Phan Đức T7 - Chủ tịch HĐQT;

13. Ngân hàng TMCP N (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số A T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Phạm Quang D3 - Chủ tịch HĐQT;

14. Ngân hàng TMCP K1 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số A B, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch HĐQT;

15. Ngân hàng TMCP Đ3 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: A P, Phường C, Quận P, TP Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo PL: Ông Võ Minh T8 - Chủ tịch HĐQT;

16. Ngân hàng TMCP S (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số B N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D4 - Tổng Giám đốc;

17. Ngân hàng TMCP C2 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số A T, quận H, TP Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Trần Minh B - Chủ tịch HĐQT;

18. Ngân hàng TMCP Á (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, TP Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo PL: Ông Lý Xuân H3 - Tổng Giám đốc;

19. Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, TP Hà Nội;

Người đại diện theo PL: Ông Lê Hữu Đ1 - Chủ tịch HĐQT;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2021, do có mối quan hệ quen biết từ trước, Đỗ Xuân T, sinh năm 1995, ở thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên được Vũ Văn H1, sinh năm 1988, ở cùng thôn đặt vấn đề, hướng dẫn về việc T sử dụng căn cước công dân của T đi mở các tài khoản ngân hàng, đồng thời, H1 là người trực tiếp cung cấp sim mạng Mobifone gắn số thuê bao điện thoại cho T sử dụng để đăng kí dịch vụ nhận thông báo biến động số dư có trong tài khoản cũng như nhận mã OTP để thực hiện giao dịch chuyển tiền khi đi mở tài khoản tại các ngân hàng. H1 và T thống nhất với nhau sau khi T mở các tài khoản ngân hàng và mang thẻ ngân hàng cùng sim đăng kí dịch vụ mà Hậu cung cấp trước đó đưa cho H1 thì H1 sẽ thanh toán số tiền 500.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng, trong đó trừ đi chi phí sim Mobifone mà Hậu cung cấp là 70.000 đồng/01 sim thì số tiền T được nhận là 430.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng. Đối với các ngân hàng mở tài khoản mất phí dịch vụ thì H1 sẽ tự trả thêm phí đó. Ngoài ra, khi T thu thập được thông tin các tài khoản ngân hàng của người khác đưa cho H1 cũng được H1 thanh toán số tiền như đã thỏa thuận trên.

T đồng ý và từ giữa tháng 3 đến tháng 10/2021, T đã tự mở 04 tài khoản tại các ngân hàng khác nhau. Bằng cách thức thu thập như trên T đi gặp gỡ đặt vấn đề thỏa thuận với nhiều bạn bè trên địa bàn huyện T và đã thu thập được 31 thông tin tài khoản ngân hàng của nhiều đối tượng mở ở các ngân hàng trên địa bàn thành phố H gồm: Ngân hàng TMCP Đ2; Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng TMCP K1; Ngân hàng TMCP Đ3; Ngân hàng TMCP S; Ngân hàng TMCP C2; Ngân hàng TMCP Á; Ngân hàng TMCP Q1.

Sau đó, T mang toàn bộ thẻ ngân hàng thu thập được cùng sim Mobifone mà Hậu cung cấp trước đó đưa lại cho H1 quản lý, sử dụng, mục đích để hưởng số tiền chênh lệch. H1 thanh toán tiền cho T nhiều lần, mỗi lần đều thanh toán bằng tiền mặt và gặp nhau trực tiếp ở ngoài đường hoặc ngồi trong xe ô tô của H1 đỗ ở gần khu vực nhà H1. Tổng số tài khoản T đưa cho H1 quản lý là 35 tài khoản gồm 04 tài khoản cá nhân của T và 31 tài khoản cá nhân thu thập của các đối tượng khác gồm: Đoàn Duy C, sinh năm 2004 ở thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên 19 tài khoản; Trần Văn D, sinh năm 2004 ở thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên 05 tài khoản; Phạm Khương D1, sinh năm 2004 ở xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên 03 tài khoản; Chu Ngọc D2 sinh năm 2006 ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên 04 tài khoản.

T thỏa thuận với từng đối tượng C, Trần Văn D, Phạm Khương D1, Chu Ngọc D2 thu thập thông tin tài khoản ngân hàng với giá 300.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng. Tất cả đồng ý và T đã thanh toán cho các đối tượng số tiền lần lượt là C 5.700.000 đồng; Văn D 1.500.000 đồng; Khương Duy 900.000 đồng; Ngọc D2 1.200.000 đồng.

C cũng với cách thức thu thập như trên ngoài việc mở 05 tài khoản cá nhân đưa cho T, C thỏa thuận với Vũ Minh C1, sinh năm 2006 ở xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên; An Văn Q, sinh năm 2006, ở xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Phạm Văn H2, sinh năm 2005 ở xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên về việc đi mở tài khoản ngân hàng tại các ngân hàng và đưa lại cho C thuê với giá 200.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng. Riêng đối với Trần Huy Đ, sinh năm 2003 ở xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, C thỏa thuận trả 300.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng do Đ và C là bạn thân của nhau, đồng thời, C sẽ trả cho Đ 100.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng đối với mỗi tài khoản mà Đ giới thiệu được cho C. Sau đó, C thanh toán lần lượt cho các đối tượng số tiền tương ứng với số tài khoản mà các đối tượng đã đưa lại cho C là Phạm Văn H2 800.000 đồng/04 tài khoản; Trần Huy Đ 600.000 đồng/02 tài khoản và 400.000 đồng/04 tài khoản do Đ giới thiệu H2 cho C; còn C1 và Q chưa được C thanh toán. Tổng số tiền được hưởng lợi từ việc thu thập 19 tài khoản của C là 2.700.000 đồng, trong đó thu lời bất chính từ việc thu thập 14 tài khoản ngân hàng của người khác là 1.200.000 đồng.

Trần Huy Đ cũng với cách thức thu thập thông tin tài khoản ngân hàng như được C hướng dẫn, ngoài việc tự mở 02 tài khoản cá nhân đưa cho C, Đ đã thỏa thuận với Trần Huy T6, sinh năm 2005 ở thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Trần Huy K, sinh năm 2004 ở thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên thu thập tài khoản ngân hàng đưa cho Đ, do có mối quan hệ họ hàng với K và T6 nên Đ trả 300.000 đồng/01 tài khoản/03 tháng. Đ đã thanh toán đủ số tiền tương ứng với số tài khoản mà H2, T6 đưa cho Đ lần lượt mỗi người 600.000 đồng/02 tài khoản. Tổng số tiền Trần Huy Đ được hưởng là 1.000.000 đồng, trong đó thu lời bất chính 400.000 đồng từ việc thu thập tài khoản ngân hàng của người khác.

Như vậy, Đỗ Xuân T đã thu thập được 35 tài khoản ngân hàng để đưa cho Vũ Văn H1 quản lý, sử dụng, trong đó có 31 tài khoản ngân hàng là do T thu thập của 10 người khác. Tổng số tiền H1 đã thanh toán cho T là 15.050.000 đồng. Riêng T được hưởng lợi số tiền 5.750.000 đồng (trong đó 1.720.000 đồng là tiền T cho thuê 04 tài khoản của mình, 4.030.000 đồng là số tiền do hưởng chênh lệch từ việc thu thập tài khoản của các đối tượng khác đưa cho H1). Số tiền còn lại T đã thanh toán cho các đối tượng đã thu thập tài khoản cho T. Tất cả số tiền các đối tượng được nhận đều đã tiêu xài cá nhân hết.

Đối với 35 tài khoản ngân hàng của Đỗ Xuân T và do T thu thập của người khác để đưa cho Vũ Văn H1, đến nay không xác định được cá nhân nào đang quản lý, sử dụng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra lệnh phong tỏa.

Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Xuân T, thu giữ 09 vỏ nhựa cứng là khay sim được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1.

Đối với số tiền hưởng lợi bất chính từ việc cho thuê tài khoản ngân hàng của Đỗ Xuân T là 5.750.000 đồng; Đoàn Duy C là 2.700.000 đồng; Trần Huy Đ 1.000.000 đồng; Trần Văn D 1.500.000 đồng; Phạm Khương D1 900.000 đồng; Chu Ngọc D2 1.200.000 đồng; Phạm Văn H2 800.000 đồng; Trần Huy T6 600.000 đồng; Trần Huy K 600.000 đồng Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSTL ngày 09/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên truy tố Đỗ Xuân T về tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều thừa nhận hành vi mở, cho thuê lại tài khoản Ngân hàng như Cáo trạng đã nêu và mô tả.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”.

+ Xử phạt Đỗ Xuân T từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để truy thu số tiền mà bị cáo Đỗ Xuân T và các đối tượng đã thu lợi bất chính. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền còn lại trong các tài khoản ngân hàng đã sử dụng bất hợp pháp. Yêu cầu các ngân hàng đóng các tài khoản ngân hàng đã sử dụng bất hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy chiếc 09 vỏ nhựa cứng là khay sim điện thoại.

Bị cáo T phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Việc vắng mặt của những người này không làm trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Xuân T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; hồ sơ mở tài khoản ngân hàng do các ngân hàng là Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP Đ2, Ngân hàng TMCP C2, Ngân hàng TMCP K1, Ngân

hàng TMCP Q1, Ngân hàng TMCP Á, Ngân hàng TMCP S, Ngân hàng TMCP Đ3 cung cấp; cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Từ khoảng tháng 3 đến tháng 10 năm 2021, tại địa bàn huyện T, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Xuân T đã có hành vi thu thập, cho thuê trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 35 tài khoản của bị cáo và nhiều người khác nhau (Bị cáo: 04 tài khoản; Đoàn Duy C: 19 tài khoản; Trần Văn D: 05 tài khoản; Phạm Khương D1: 03 tài khoản; Chu Ngọc D2: 04 tài khoản), hưởng lợi 5.750.000 đồng từ việc đưa cho người khác quản lý, sử dụng các tài khoản ngân hàng mà bị cáo đã mở và thu thập trái phép.

Hành vi của bị cáo Đỗ Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi trái pháp luật khác.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi thu thập, cho thuê trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 04 tài khoản của mình và 31 tài khoản của nhiều người khác nhau bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo Đỗ Xuân T đã phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự, như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Đỗ Xuân T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Xuân T gây mất an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn huyện T nên cần áp dụng hình phạt tiền, với mức hình phạt tương xứng, nhằm giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đỗ Xuân T đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Các tài khoản ngân hàng do bị cáo và người khác đã mở, sau đó bị cáo đã trao đổi, cho thuê tài khoản ngân hàng là vi phạm quy định về việc mở, quản lý, sử dụng

tài khoản ngân hàng. Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định số tiền còn lại trong các tài khoản ngân hàng không phải thuộc sở hữu của mình, vì vậy sẽ tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền còn lại trong 35 tài khoản ngân hàng mà bị cáo Đỗ Xuân T đã trao đổi, cho thuê, sau đó yêu cầu các ngân hàng thực hiện việc thu hồi, đóng tài khoản.

Đối với 09 vỏ nhựa cứng là khay sim là vật chứng liên quan đến vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền hưởng lợi bất chính từ việc trao đổi, cho thuê tài khoản ngân hàng của Đỗ Xuân T là 5.750.000 đồng; Đoàn Duy C là 2.700.000 đồng; Trần Huy Đ 1.000.000 đồng; Trần Văn D 1.500.000 đồng; Phạm Khương D1 900.000 đồng; Chu Ngọc D2 1.200.000 đồng; Phạm Văn H2 800.000 đồng; Trần Huy T6 600.000 đồng; Trần Huy K 600.000 đồng sẽ truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Tính đến thời điểm xét xử, anh Chu Ngọc D2, anh Phạm Văn H2, anh Trần Huy T6 đều đã trên 16 tuổi, nhưng chưa đủ 18 tuổi; nếu không có tài sản riêng để nộp khoản tiền bị truy thu thì người đại diện hợp pháp phải nộp thay.

[7] Các nội dung khác:

Đối với Vũ Văn H1, hiện nay H1 không có mặt tại đại phương nên chưa có căn cứ để xử lý đối với hành vi của H1, do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách hành vi của H1 để tiếp tục xác minh nếu có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Đoàn Duy C đã có hành vi thu thập trái phép 14 tài khoản ngân hàng của người khác đưa cho T và thu lời bất chính số tiền 1.200.000 đồng và Trần Huy Đ có hành vi thu thập trái phép 04 tài khoản ngân hàng cho C thuê và thu lời bất chính 400.000 đồng từ việc giới thiệu H2 cho C thuê tài khoản ngân hàng, do C và Đ đều không biết việc T thu thập tài khoản ngân hàng của nhiều người khác để cho H1 quản lý, sử dụng kiếm lời, do đó, hành vi trên của C và Đ không đồng phạm với hành vi phạm tội của Đỗ Xuân T, đồng thời chưa đủ yếu tố cấu thành “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo quy định tại Điều 291 BLHS. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có công văn đề nghị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính đối hành vi trên của C và Đ là có căn cứ.

Đối với Vũ Minh C1, An Văn Q, Trần Huy T6, Trần Huy K, Phạm Văn H2, Phạm Khương D1, Chu Ngọc D2, Trần Văn D đã có hành vi cho thuê các tài khoản ngân hàng đã vi phạm khoản 15 Điều 1 Nghị định 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển tài liệu kèm công văn đến Công an huyện T đề nghị cấp có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

[8] Kiến nghị:

Yêu cầu Công an huyện T, tỉnh Hưng Yên áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, lập biên bản vi phạm hành chính để làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với Đoàn Duy C, Trần Huy Đ, Vũ Minh C1, An Văn Q, Trần Huy T6, Trần Huy K, Phạm Văn H2, Phạm Khương D1, Chu Ngọc D2, Trần Văn D theo yêu

cầu của Cơ quan Điều tra Công an huyện T để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật.

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát mới tiến hành thu thập các tài khoản và phong tỏa các tài khoản tại các ngân hàng có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và các đối tượng liên quan mà chưa tiến hành lấy lời khai, ghi quan điểm của đại diện các Ngân hàng là còn thiếu sót, chưa triệt để. Việc có hay không có quan điểm của đại diện các Ngân hàng trong vụ án tuy không làm thay đổi bản chất vụ án, nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần rút kinh nghiệm đối với vụ việc tương tự.

[9] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt; xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo bị xác định có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội “Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân ngân hàng”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Đỗ Xuân T số tiền 5.750.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Đoàn Duy C số tiền 2.700.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Trần Huy Đ số tiền 1.000.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Trần Văn D số tiền 1.500.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Phạm Khương D1 số tiền 900.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Chu Ngọc D2 số tiền 1.200.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Phạm Văn H2 số tiền 800.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Trần Huy T6 số tiền 600.000 đồng;

Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước đối với anh Trần Huy K số tiền 600.000 đồng.

Nếu anh Chu Ngọc D2, Phạm Văn H2, Trần Huy T6 không có tài sản riêng để nộp khoản tiền bị truy thu thì người đại diện hợp pháp phải nộp thay.

Hủy bỏ lệnh phong tỏa các tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Hưng Yên đối với 35 tài khoản ngân hàng.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền hiện còn lại trong 35 tài khoản ngân hàng. Sau đó yêu cầu các Ngân hàng thực hiện thu hồi và đóng 35 tài khoản ngân hàng. Danh sách các ngân hàng và các số tài khoản cụ thể như sau:

* Ngân hàng TMCP N (10 tài khoản):

Số TK: 1019827841; chủ tài khoản: Đỗ Xuân T.

Số TK: 1021646363; chủ tài khoản: Đoàn Duy C.

Số TK: 1023399143; chủ tài khoản: Vũ Minh C1.

Số TK: 1023968009; chủ tài khoản: An Văn Q.

Số TK: 1022592907; chủ tài khoản: Phạm Văn H2.

Số TK: 1019468151; chủ tài khoản: Trần Huy Đ.

Số TK: 1023223310; chủ tài khoản: Trần Huy T6.

Số TK: 1023243816; chủ tài khoản: Trần Huy K.

Số TK: 1020393967; chủ tài khoản: Phạm Khương D1.

Số TK: 1022552807; chủ tài khoản: Chu Ngọc D2.

* Ngân hàng TMCP C2 (09 tài khoản):

Số TK: 106873450548; chủ tài khoản: Đoàn Duy C.

Số TK: 103873990422; chủ tài khoản: Vũ Minh C1.

Số TK: 106874255863; chủ tài khoản: An Văn Q.

Số TK: 105871934819; chủ tài khoản: Phạm Văn H2.

Số TK: 101873713214; chủ tài khoản: Trần Huy Đ.

Số TK: 100873938762; chủ tài khoản: Trần Huy T6.

Số TK: 109873947416; chủ tài khoản: Trần Huy K.

Số TK: 108873588120; chủ tài khoản: Trần Văn D.

Số TK: 109873693896; chủ tài khoản: Chu Ngọc D2.

* Ngân hàng TMCP Đ2 (05 tài khoản):

Số TK: 46510000615004; chủ tài khoản: Đỗ Xuân T.

Số TK: 46510000620521; chủ tài khoản: Đoàn Duy C.

Số TK: 46510000625933; chủ tài khoản: Trần Văn D.

Số TK: 46510000592851; chủ tài khoản: Phạm Khương D1.

Số TK: 46510000631842; chủ tài khoản: Chu Ngọc D2.

* Ngân hàng TMCP S (04 tài khoản):

Số TK: 030077026343; chủ tài khoản: Đoàn Duy C.

Số TK: 030078392688; chủ tài khoản: Phạm Văn H2.

Số TK: 030077890013; chủ tài khoản: Trần Văn D.

Số TK: 030075842984; chủ tài khoản: Phạm Khương D1.

* Ngân hàng TMCP Đ3 (03 tài khoản):

Số TK: 0111399895; chủ tài khoản: Đỗ Xuân T.

Số TK: 0111404229; chủ tài khoản: Đoàn Duy C.

Số TK: 0111405569; chủ tài khoản: Trần Văn D.

* Ngân hàng TMCP Á (02 tài khoản):

Số TK: 21009987; chủ tài khoản: Phạm Văn H2.

Số TK: 21126207; chủ tài khoản: Trần Văn D.

* Ngân hàng TMCP K1 (01 tài khoản):

Số TK: 19036928931019; chủ tài khoản: Đỗ Xuân T.

* Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (01 tài khoản):

Số TK: 686822052006; chủ tài khoản: Chu Ngọc D2.

Tịch thu, cho tiêu hủy 09 vỏ nhựa cứng là khay sim.

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ ngày 26/6/2023).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bị cáo Đỗ Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Tiên Lữ;
- Cơ quan CSĐT; CQ thi hành án hình sự; Bộ phận HSNV cảnh sát Công an huyện Tiên Lữ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Thương